

Bản án số: 23/2025/HS-ST
Ngày 28-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Xuân Lam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nhu

Ông Nguyễn Phước Tường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Hoàng N, sinh ngày 25/12/1985, tại tỉnh Tiền Giang. Tên gọi khác: Long An. CCCD số 082085001296. HKTT: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Trần Văn H (1952, đã chết), mẹ là Trương Thị Ánh T (1952); Chưa có vợ, con; Tiền án: 01 lần. Ngày 22/12/2006, bị Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 28/11/2007, chưa chấp hành xong án phí hình sự; Tiền sự: Không; Về nhân thân: Từ nhỏ sống chung cùng gia đình tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, học đến lớp 06 nghỉ học phụ giúp gia đình. Ngày 10/4/2003, bị TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 15/11/2003, chưa chấp hành xong án phí hình sự, lần phạm tội này bị cáo dưới 18 tuổi nên không tính án tích đối với bị cáo. Ngày 21/7/2008, bị TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 11/9/2010, chấp hành xong án phí hình sự ngày 15/8/2009. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2024 cho đến nay. (Có mặt)

Bị hại:

- Lê Văn H1, sinh năm 1973 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- Nguyễn Thị K, sinh năm 1958 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- Nguyễn Kiều Diễm P, sinh năm 1992 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- Võ Phước L, sinh năm 1988 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- Trương Văn T1, sinh năm 2003 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
- Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1988 (Vắng mặt)
Địa chỉ: số A, G, phường Đ, quận H, TP ..
- Phạm Xuân T3, sinh năm 1987 (Vắng mặt)
Địa chỉ: số G, Phạm Hồng T4, Bà T, TP ., tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hoàng N có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, không có nghề nghiệp ổn định. Trong khoảng thời gian từ ngày 16/6/2023 đến ngày 09/9/2024, N thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản tại các xã T, H và H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Vào khoảng 02 giờ ngày 16/6/2023, sau khi uống rượu cùng với bạn (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) ở xã T, huyện C, N đi bộ về nhà ở ấp M, xã T, huyện C. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, khi đi ngang nhà ông Lê Văn H1, sinh năm 1973, thường trú ấp M, xã T, huyện C, N nhìn thấy cửa cổng không khóa, bên trong có một xe mô tô hiệu Wave S, FuSin màu xám đen, biển số 63H6-0050 của ông H1, chìa khóa gắn trên xe đang để trong sân phía trước nhà và 01 loa kéo kéo hát Karaoke, nên nảy sinh ý định trộm. Sau đó, N quan sát không có người trong giữ nên đi đến vị trí để xe mô tô biển số 63H6-0050 dẫn xe ra để ngoài đường đan, rồi quay lại lấy trộm loa và 01 sợi dây ràng đem ra xe mô tô, đề thùng loa lên xe ràng lại và khởi động xe điều khiển đến thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến địa bàn tỉnh Long An, Nam ghé vào quán cà phê ven đường để ngủ, đến khoảng 10 giờ ngày 17/6/2023, N bán loa kéo cho một cặp vợ chồng (không rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể) được số tiền 650.000 đồng, sau đó N tiếp tục ngủ. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi N thức dậy thì phát hiện xe mô tô biển số 63H6-0050 bị mất trộm, số tiền bán loa kéo Nam tiêu xài cá nhân hết.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 74/KLĐG-TTHS ngày 07/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C xác định: 01 xe mô tô hiệu Wave S, Fusin màu xám đen, biển số 63H6-0050 trị giá 1.100.000 đồng;

01 loa kéo hát Karaoke hiệu HV cao 80cm trị giá 2.400.000 đồng. Tổng cộng trị giá 3.500.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô hiệu Wave S, Fusin màu xem đen, biển số 63H6-0050; 01 loa kéo hát Karaoke hiệu HV cao 80cm, N đã bán loa cho người không rõ nhân thân lai lịch và xe mô tô biển số 63H6-0050 đã bị mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Văn H1 yêu cầu Nam bồi thường giá trị tài sản bị mất trộm là số tiền 3.500.000 đồng, N đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Vụ thứ hai:

Vào khoảng 22 giờ ngày 23/7/2023, N ngồi uống nước tại một quán không rõ biển hiệu tại khu vực xã T, huyện C, lúc này N nảy sinh ý định đi tìm tài sản để trộm cắp nên N đi bộ từ khu vực xã T, huyện C đến khu vực xã H, huyện C. Đến khoảng 01 giờ ngày 24/7/2023, khi N đi ngang nhà anh Trần Hoàng M, sinh năm 1986, thường trú ấp H, xã H, huyện C, N nhìn thấy cửa nhà chỉ khép lại không có khóa nên N vào nhà thấy có một xe mô tô hiệu Wave an pha màu đỏ biển số 63B1-886.76 chìa khóa gắn trên xe đang để trong nhà, lúc này không có người trông giữ nên N nảy sinh ý định trộm. Sau đó, N đi đến vị trí để xe mô tô biển số 63B1-886.76 dẫn xe ra ngoài đường đan khởi động máy điều khiển đến khu vực cầu B thuộc ấp A, xã A, huyện C, N dừng xe lại kiểm tra trong cốp xe mô tô biển số 63B1-886.76 có 01 cái bóp, bên trong bóp có 50.000 đồng, 01 giấy căn cước công dân và một giấy phép lái xe tên Trần Hoàng M, sau đó N vứt bỏ cái bóp da màu đen rồi điều khiển xe về hướng thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 16 giờ ngày 26/7/2023, N bán xe mô tô cho một người thanh niên tên P (không rõ họ, địa chỉ cụ thể) với số tiền 3.600.000 đồng, số tiền bán xe Nam tiêu xài cá nhân hết.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 73/KLĐG-TTHS ngày 11/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C xác định: 01 xe mô tô hiệu Honda loại Wave anpha màu đỏ biển số 63B1-886.76 trị giá 17.730.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô hiệu Honda loại Wave anpha màu đỏ biển số 63B1-886.76, N đã bán xe mô tô trên cho người tên P không rõ họ, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Hoàng M yêu cầu Nam bồi thường giá trị tài sản bị mất trộm là số tiền 17.780.000 đồng, N đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Vụ thứ ba:

Vào khoảng 02 giờ ngày 28/4/2024, N đi bộ từ cây xăng M1 tại ấp H, xã H, huyện C đến khu vực xã H, huyện C để tìm tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 3 giờ cùng ngày, khi N đi ngang tiệm tạp hóa của bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1958, thường trú ấp H, xã H, huyện C, N nhìn thấy cửa tiệm tạp hóa chỉ khép lại không có khóa nên N vào nhà tìm tài sản lấy trộm, N nhìn thấy có một xe mô tô hiệu Vario 150 màu đỏ trắng đen biển số 63D1-272.74 của chị Nguyễn Kiều Diễm P, sinh năm 1992, thường trú ấp H, xã H, huyện C là con ruột bà K để trong tiệm tạp hóa nên nảy sinh ý định trộm. Sau đó, N đi đến vị trí để xe mô tô

biển số 63D1-272.74 dẫn xe ra ngoài nhưng do xe không có chìa khóa nên N đi tìm và nhìn thấy chìa khóa của xe Vario để trên bàn, N mở học tủ bàn có số tiền 400.000 đồng và 05 thẻ nạp điện thoại mạng Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 05 thẻ nạp điện thoại mạng Mobifone mệnh giá 20.000 đồng, 04 thẻ nạp điện thoại mạng Viettel mệnh giá 50.000 đồng nên N lấy bỏ vào túi quần. N đi ra nhà sau mở chốt cửa dẫn xe mô tô nhãn hiệu Vario biển số 63D1-272.74 ra đường đi một đoạn khoảng 20 mét rồi khởi động máy điều khiển về hướng thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, N đem xe mô tô biển số 63D1-272.74 vừa trộm được đến tiệm C tại số A, tỉnh lộ 10, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh của anh Nguyễn Ngọc T2 làm chủ với số tiền 20.000.000 đồng sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi anh T2 cầm xe mô tô biển số 63D1-272.74 thì bán cho một người không rõ họ, địa chỉ cụ thể với số tiền 20.000.000 đồng.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 74/KLĐG-TTHS ngày 11/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C xác định: 01 xe mô tô hiệu Honda loại Vario màu đỏ trắng đen biển số 63D1-272.74 trị giá 44.550.000 đồng; 05 thẻ nạp điện thoại mạng Viettel mệnh giá 20.000 đồng trị giá 100.000 đồng, 05 thẻ nạp điện thoại mạng Mobifone mệnh giá 20.000 đồng trị giá 100.000 đồng, 04 thẻ nạp điện thoại mạng Viettel mệnh giá 50.000 đồng trị giá 200.000 đồng. Tổng cộng 44.950.000 đồng.

Vật chứng thu giữ của vụ án: Vào ngày 11/9/2024 tại số D, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, anh Đào H giao nộp 01 xe mô tô hiệu Honda loại Vario màu đỏ trắng đen biển số 63D1-272.74.

Đối với 05 thẻ nạp điện thoại mạng Viettel mệnh giá 20.000 đồng; 05 thẻ nạp điện thoại mạng Mobifone mệnh giá 20.000 đồng; 04 thẻ nạp điện thoại mạng Viettel mệnh giá 50.000 đồng, N đã bán cho tiệm tạp hóa ở thành phố Hồ Chí Minh, không rõ địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về xử lý vật chứng: Ngày 02/11/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện C đã trao trả xe mô tô biển số 63D1-272.74 cho chủ sở hữu chị Nguyễn Kiều Diễm P.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Kiều Diễm P, Nguyễn Thị K đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Anh Nguyễn Ngọc T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng là tiền cầm xe mô tô biển số 63D1-272.74, bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Đối với anh Nguyễn Ngọc T2 là người cầm xe mô tô biển số 63D1-272.74 nhưng quá trình điều tra xác định anh T2 không biết xe do N trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự. Anh Đào Hoàng O sau khi mua xe mô tô biển số 63D1-272.74 của người tên H2 không rõ, họ, địa chỉ cụ thể thì phát hiện là xe của chị Nguyễn Kiều D P bị mất trộm nên đã tự nguyện giao nộp.

Vụ thứ tư:

Vào khoảng 02 giờ ngày 11/7/2024, N đi bộ từ cây xăng M1 tại ấp H, xã H, huyện C đến khu vực xã T, huyện C để tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 3 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi ngang nhà của anh Võ Phước L, sinh năm 1988, thường trú ấp M, xã T, huyện C, N nhìn thấy xe mô tô hiệu Wave an pha màu

xanh đen bạc biển số 63B1-266.10 của anh L, chìa khóa gắn trên xe đang để trong sân phía trước nhà, lúc này không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm. Sau đó, N đi đến vị trí để xe mô tô biển số 63B1-266.10 dẫn xe ra ngoài đường đan lên xe khởi động máy điều khiển đến thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 11 giờ ngày 12/7/2024, N bán xe mô tô biển số 63B1-266.10 cho một thanh niên (không rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể) được số tiền 2.200.000 đồng, số tiền bán xe Nam tiêu xài cá nhân hết.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 72/KLĐG-TTHS ngày 11/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C xác định: 01 xe mô tô hiệu Hon da loại Wave an pha, màu xanh đen bạc biển số 63B1-266.10 trị giá 16.100.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô hiệu Honda loại Wave an pha, màu xanh đen bạc biển số 63B1-266.10, N đã bán cho người thanh niên, không rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Phước L yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị mất trộm là số tiền 16.100.000 đồng, bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Vụ thứ năm:

Vào khoảng 22 giờ ngày 09/9/2024, N đi bộ từ cây xăng M1 tại ấp H, xã H, huyện C đến ấp H, xã H, huyện C để tìm tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi đi ngang nhà của anh Trương Văn T1, sinh năm 2003, thường trú ấp H, xã H, huyện C, N nhìn thấy xe mô tô hiệu Yamaha, loại MX King 150, màu xanh biển số 63AN-151.49 của anh T1, chìa khóa gắn trên xe đang đậu trong sân phía trước nhà, lúc này không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm. Sau đó, N đi đến vị trí để xe mô tô biển số 63AN-151.49 dẫn xe ra ngoài đường lộ nhựa, lên xe khởi động máy điều khiển đến thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 8 giờ 30 phút ngày 10/9/2024, N đem xe mô tô biển số 63AN-151.49 vừa trộm được đến tiệm cầm đồ 997 ở số I, tỉnh lộ 10, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh của anh Phạm Xuân T3 làm chủ tiệm cầm đồ với số tiền 15.000.000 đồng, số tiền cầm xe Nam tiêu xài cá nhân hết.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 58/KLĐG-TTHS ngày 13/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại MX King 150, màu xanh biển số 63AN-151.49 trị giá 45.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ của vụ án: Vào ngày 12/9/2024, tại số I phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, anh Phạm Xuân T3 giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại MX King 150, màu xanh đen biển số 63AN-151.49.

Về xử lý vật chứng: Ngày 18/9/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trao trả xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại MX King 150, màu xanh đen biển số 63AN-151.49 cho chủ sở hữu anh Trương Văn T1.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trương Văn T1 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường. Anh Phạm Xuân T3 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng là tiền cầm xe mô tô biển số 63AN-151.49, bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Đối với anh Phạm Xuân T3 là người cầm xe mô tô biển số 63AN-151.49 nhưng quá trình điều tra xác định anh T3 không biết xe do N trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự.

Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên, 01 tiền án chưa được xóa án tích nên tái phạm đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 06/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè truy tố bị cáo Trần Hoàng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị hại Võ Phước L tự nguyện yêu cầu bị cáo chỉ bồi thường số tiền 8.500.000 đồng.

Bị hại Trương Văn T1 đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Hoàng N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 04 - 05 năm tù.

Buộc bị cáo bồi thường cho Lê Văn H1 số tiền 3.500.000 đồng, Trần Hoàng M số tiền 17.780.000 đồng, Nguyễn Ngọc T2 số tiền 20.000.000 đồng, Võ Phước L số tiền 8.500.000 đồng, Phạm Xuân T3 số tiền 15.000.000 đồng. Đối với bị hại Nguyễn Kiều Diễm P, Nguyễn Thị K, Trương Văn T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Buộc bị cáo sung quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính 760.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Xét trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự và thủ tục theo quy định pháp luật.

Bị hại Lê Văn H1, Nguyễn Thị K, Nguyễn Kiều Diễm P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng hoặc trở ngại gì đến việc giải quyết vụ án. Nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hoàng N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của bị cáo là vô cùng nguy hiểm cho xã hội.

Trong khoảng thời gian từ ngày 16/6/2023 đến ngày 09/9/2024, một mình bị

cáo đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên các địa bàn khác nhau gồm xã H, H, T của huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 127.730.000 đồng. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, lấy trộm cắp tài sản làm nguồn sống chính nên việc phạm tội của bị cáo có tính chất chuyên nghiệp.

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với anh Nguyễn Ngọc T2 trong vụ án thứ 3 là người cầm xe mô tô biển số 63D1-272.74, quá trình điều tra xác định anh T2 không biết xe do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự. Anh Đào Hoàng O sau khi mua xe mô tô biển số 63D1-272.74 của người tên H2 không rõ, họ, địa chỉ cụ thể thì phát hiện là xe của chị Nguyễn Kiều D P bị mất trộm nên đã tự nguyện giao nộp. Nên không đặt ra xem xét.

Đối với anh Phạm Xuân T3 trong vụ án thứ 5 là người cầm xe mô tô biển số 63AN-151.49, quá trình điều tra xác định anh T3 không biết xe do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự. Nên không đặt ra xem xét.

[3] Xét về nhân thân:

Bị cáo N chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; trong khi bị cáo có 01 tiền án là ngày 22/12/2006, bị TAND tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Nhưng bị cáo không thay đổi để trở thành công dân tốt mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với 05 vụ trộm cắp tài sản trên các địa bàn khác nhau và tổng giá trị tài sản chiếm đoạt lớn hơn so với lần phạm tội đã bị xét xử trước. Nên bị cáo bị tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Thêm vào đó, bị cáo có nhân thân xấu là ngày 10/4/2003, bị TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngày 21/7/2008, bị TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều này, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo nên cần phải xử lý nghiêm.

Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái nhưng vẫn cố ý thực hiện nên bị cáo phải chịu mức hình phạt thích đáng. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích, trách nhiệm với xã hội.

[4] Về vật chứng:

- *Tại vụ thứ nhất:* 01 xe mô tô hiệu Wave S, Fusin màu xem đen, biển số 63H6-0050; 01 loa kéo kéo hát Karaoke hiệu HV cao 80cm, bị cáo đã bán loa

cho người không rõ nhân thân lai lịch và xe mô tô biển số 63H6-0050 đã bị mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Nên không đặt ra xem xét.

- *Tại vụ thứ hai:* 01 xe mô tô hiệu Honda loại Wave anpha màu đỏ biển số 63B1-886.76, bị cáo đã bán xe mô tô trên cho người tên P không rõ họ, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Nên không đặt ra xem xét.

- *Tại vụ thứ ba:*

+ Đối với 05 thẻ nạp điện thoại mạng Viettel mệnh giá 20.000 đồng; 05 thẻ nạp điện thoại mạng Mobifone mệnh giá 20.000 đồng; 04 thẻ nạp điện thoại mạng Viettel mệnh giá 50.000 đồng, bị cáo đã bán cho tiệm tạp hóa ở thành phố Hồ Chí Minh, không rõ địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Nên không đặt ra xem xét.

+ Ngày 02/11/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện C đã trao trả xe mô tô biển số 63D1-272.74 cho chủ sở hữu chị Nguyễn Kiều Diễm P. Nên không đặt ra xem xét.

- *Tại vụ thứ tư:* 01 xe mô tô hiệu Honda loại Wave an pha, màu xanh đen bạc biển số 63B1-266.10, bị cáo đã bán cho người thanh niên, không rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Nên không đặt ra xem xét.

- *Tại vụ thứ năm:*

Ngày 18/9/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trao trả xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại MX King 150, màu xanh đen biển số 63AN-151.49 cho chủ sở hữu anh Trương Văn T1. Nên không đặt ra xem xét.

- Đối với số tiền bị cáo thu lợi bất chính:

Buộc bị cáo N nộp lại số tiền thu lợi bất chính trong vụ án thứ 3 để sung quỹ nhà nước với số tiền tổng cộng là 760.000 đồng.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:*

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Tại phiên tòa, anh Võ Phước L chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 8.500.000 đồng. Xét, đây là quyền tự định đoạt trên sự tự nguyện của anh L và phù hợp luật định nên buộc bị cáo bồi thường cho anh L số tiền trên.

- Bồi thường cho anh Lê Văn H1 số tiền 3.500.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Trần Hoàng M số tiền 17.780.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc T2 số tiền 20.000.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Phạm Xuân T3 số tiền 15.000.000 đồng.

Bị hại Nguyễn Kiều Diễm P, Nguyễn Thị K, Trương Văn T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí:*

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[7] Xét, lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 2 Điều 51; Điều 38, 107 Bộ luật Hình sự; Điều 292, 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589, khoản 2 Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Hoàng N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hoàng N **05 (năm) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường các khoản gồm:

- Bồi thường cho anh Lê Văn H1 số tiền 3.500.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Trần Hoàng M số tiền 17.780.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc T2 số tiền 20.000.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Võ Phước L số tiền 8.500.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Phạm Xuân T3 số tiền 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành chậm thi hành đối với phần tiền phải trả cho người được thi hành án thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Buộc bị cáo phải giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính nộp vào ngân sách nhà nước, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền 760.000 đồng.

3. Về án phí:

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
- Bị cáo phải chịu tổng cộng 3.364.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại Võ Phước L, Trương Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các bị hại còn lại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

- CAND huyện Cái Bè;
- Cơ quan THAHS;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hoàng Xuân Lam

